TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/KDTM-ST
Ngày: 22 - 8 - 2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Lê Diệu Linh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Bà Trần Thị Tỉnh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2023/TLST-KDTM ngày 06 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2025/QĐST-KDTM ngày 04 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng N** (A).

Địa chỉ trụ sở: Số B L, phường G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Sỹ K – Phó giám đốc A1 chi nhánh L; Có mặt.

(Theo Quyết định Ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 và Quyết định về việc ủy quyền lại thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng số 689/QĐ-NHNo.LS ngày 16/10/2023).

- *Bị đơn:*

+ Ông **Trần Hùng P**, sinh năm 1992; Vắng mặt.

+ Bà **Lê Thị Lan H**, sinh năm 1999; Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T (xã X, huyện T cũ), tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Căn cứ Hồ sơ xin vay vốn ngân hàng và nhu cầu thực tế của gia đình ông Trần Hùng P, bà Lê Thị Lan H. Ngày 08/10/2020 bà Lê Thị Lan H (là vợ ông Trần Hùng P) có ký Hợp đồng ủy quyền, ủy quyền cho ông Trần Hùng P là người đại diện thay mặt, xác lập và thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng N (A1); thời hạn ủy quyền: 10 năm. Ngày 13/10/2020 Ngân hàng N - Chi nhánh L và ông Trần Hùng P đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 3513-LAV-202002566. Cụ thể: ông Trần Hùng P và bà Lê Thị Lan H vay vốn với tổng số tiền: 230.000.000đ (Bằng chữ: Hai trăm ba mươi triệu đồng); Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức; Lãi suất vay: 11%/năm; Mục đích vay: Sữa cửa hàng, mua máy vi tính kinh doanh dịch vụ internet; Thời hạn vay 36 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 13/10/2023; Lãi suất quá hạn là: 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm quá hạn.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Trần Hùng P, bà Lê Thị Lan H tại: Thửa đất số 359, tờ bản đồ số 7; địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã K, tỉnh Thanh Hóa) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CX 434135, số vào sổ CH 06037; được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3513/16/53/2020 ký ngày 08/10/2020. Hợp đồng thế chấp được lập tại Văn phòng C và được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện N theo đúng quy định.

Trong quá trình vay vốn ông Trần Hùng P, bà Lê Thị Lan H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng tín dụng và cam kết đối với Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, làm việc, đôn đốc ông P và bà H nhằm tìm cách tháo gỡ và khắc phục khó khăn tìm nguồn để trả nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên ông P, bà H đã không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo các cam kết đã thỏa thuận. Tạm tính đến ngày 22/8/2025 ông Trần Hùng P, bà Lê Thị Lan H còn nợ Ngân hàng N, chi nhánh L với tổng số tiền như sau: Nợ gốc 190.150.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 114.213.395 đồng; Lãi quá hạn 22.044.368 đồng, tổng cộng: 326.407.763 đồng. Việc ông Trần Hùng P, bà Lê Thị Lan H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã gây ra nhiều khó khăn, thiệt hại cho Ngân hàng.

Tại đơn khởi kiện Ngân hàng N đã đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết các yêu cầu, cụ thể: Buộc ông Trần Hùng P, bà Lê Thị Lan H phải trả nợ gốc cùng tiền lãi phát sinh tương ứng tại Hợp đồng tín dụng 3513-LAV-202002566 ngày 13 tháng 10 năm 2020, cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp ông Trần Hùng P, bà Lê Thị Lan H không trả được nợ, Ngân hàng có quyền đề nghị kê biên xử lý toàn bộ số tài sản thế chấp làm tài sản thi hành án thu hồi nợ cho Ngân hàng. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Trần Hùng P, bà Lê

Thị Lan H tại: Thửa đất số 359, tờ bản đồ số 7, địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã K, tỉnh Thanh Hóa). Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án đang giải quyết vụ án, thì ngày 20/3/2025 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã giải quyết vụ án về tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất và tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là vô hiệu, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại Bản án số 28/2025/DS-ST, theo đó đã tuyên Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 434135, số vào sổ CH 06037 do UBND huyện N cấp cho ông Trần Hùng P. Vì vậy, ngày 15/7/2025 ngân hàng đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3513/16/53/2020 ký ngày 08/10/2020.

Nay, Ngân hàng N đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trần Hùng P, bà Lê Thị Lan H phải trả nợ gốc cùng tiền lãi phát sinh tương ứng tại Hợp đồng tín dụng 3513-LAV-202002566 ngày 13 tháng 10 năm 2020, với tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/8/2025 là 326.407.763 đồng, trong đó: Nợ gốc 190.150.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 114.213.395 đồng; Nợ lãi quá hạn 22.044.368 đồng và số lãi phát sinh từ ngày 23/8/2025 đến khi trả hết nợ, theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng.

Đối với bị đơn là ông Trần Hùng P, bà Lê Thị Lan H: Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Hùng P và bà Lê Thị Lan H theo quy định, nhưng ông P và bà H đều vắng mặt không có lý do, cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của minh, nên không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, như sau:

I. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã cơ bản thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên vẫn còn có những vi phạm trong việc chậm giao Quyết định tạm đình chỉ cho Viện kiểm sát và xác định sai tư cách tố tụng của bị đơn Lê Thị Lan H, nhưng không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc giải quyết vụ án.

2. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 49, 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt để tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa là vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, xét thấy vi phạm đó không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quá trình giải quyết vụ án.

II. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Đình chỉ đối với yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp đối với tài sản của ông P, bà H thế chấp ngân hàng vay vốn là quyền sử dụng đất của ông P bà H tại thửa đất số 359, tờ bản đồ số 27, địa chỉ thôn T, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa theo giấy chứng nhận số CX 434135, số vào sổ CH 06037 do UBND huyện N cấp.

- Buộc ông Trần Hùng P và bà Lê Thị Lan H phải trả nợ cho Ngân hàng N chi nhánh L số tiền tạm tính đến ngày 22/8/2025 là 302.182.297đ (Bằng chữ: Ba trăm linh hai triệu một trăm tám mươi hai nghìn hai trăm chín bảy đồng), trong đó: Nợ gốc: 190.150.000đ; Nợ lãi: 112.032.297đ (lãi trong hạn là 89.987.929đ, lãi quá hạn 22.044.368đ) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

- Về án phí: Buộc bị đơn ông Trần Hùng P và bà Lê Thị Lan H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng N đối với ông Trần Hùng P và bà Lê Thị Lan H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng giữa các bên đương sự đều là tổ chức, cá nhân (Hộ gia đình) có đăng ký kinh doanh và đều vì mục đích lợi nhuận. Vì vậy, đây là tranh chấp về Kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Trần Hùng P và bà Lê Thị Lan H, cư trú tại thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thanh Hóa, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về xác định tư cách tố tụng: Khi thụ lý vụ án Thẩm phán căn cứ vào

đơn khởi kiện của nguyên đơn, xác đinh tư cách tố tụng của bà Lê Thị Lan H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, qua các tài liệu, chứng cứ thu thập được, xác định bà Lê Thị Lan H có ký Hợp đồng ủy quyền, ủy quyền cho ông Trần Hùng P (chồng bà H) là người đại diện thay mặt, xác lập và thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng N (A1); Ngân hàng N đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trần Hùng P và bà Lê Thị Lan H cùng phải chịu trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng, nên cần xác định lại tư cách tố tụng của bà Lê Thị Lan H, là bị đơn.

[1.4] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Trần Hùng P và bà Lê Thị Lan H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dụng yêu cầu khởi kiện: Tại đơn khởi kiện Ngân hàng N đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trần Hùng P và bà Lê Thị Lan H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng 3513-LAV-202002566 ngày 13 tháng 10 năm 2020 và được quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3513/16/53/2020 ký ngày 08/10/2020. Tuy nhiên, xét ngày 15/7/2025 Ngân hàng đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3513/16/53/2020 ký ngày 08/10/2020. Hội đồng xét xử thấy rằng: Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận. Do đó cần đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về phần yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

[3.1] Xét Hợp đồng tín dụng 3513-LAV-202002566 ngày 13 tháng 10 năm 2020 và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thấy rằng: Hợp đồng tín dụng 3513-LAV-202002566 ngày 13 tháng 10 năm 2020 được Ngân hàng N – Chi nhánh L với ông Trần Hùng P và bà Lê Thị Lan H tự nguyện ký kết, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Do đó, Hợp đồng tín dụng 3513-LAV-202002566 ngày 13 tháng 10 năm 2020 ký kết giữa Ngân hàng N - chi nhánh L với ông Trần Hùng P và bà Lê Thị Lan H có hiệu lực pháp luật, là cơ sở làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên. Đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có tính lãi.

[3.2] Ngày 13/10/2020 vợ chồng ông Trần Hùng P và bà Lê Thị Lan H vay vốn Ngân hàng N – Chi nhánh L theo Hợp đồng tín dụng 3513-LAV-202002566, cụ thể: Số tiền vay: 230.000.000 đồng; Lãi suất vay: 11%/năm; Mục đích vay: Sữa cửa hàng, mua máy vi tính kinh doanh dịch vụ internet; Thời hạn vay 36 tháng, ngày trả nợ cuối cùng 13/10/2023; Lãi suất quá hạn là: 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm quá hạn. Sau khi ký hợp đồng, Ngân hàng N – Chi nhánh L đã giao đủ số tiền vay là 230.000.000 đồng cho ông Trần Hùng P và bà Lê Thị Lan H. Qúa trình thực hiện hợp đồng tín dụng, vợ chồng ông P, bà H mới chỉ thanh toán được số tiền gốc 39.850.000 đồng, tiền lãi là 24.225.466 đồng. Tính đến ngày 22/8/2025 còn nợ Ngân hàng N tổng số tiền là 326.407.763 đồng, trong đó: Nợ gốc

190.150.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 114.213.395 đồng; Nợ lãi quá hạn 22.044.368 đồng. Như vậy, là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả số tiền nợ gốc và tiền lãi còn lại, là có căn cứ theo quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Vì vậy, cần buộc ông Trần Hùng P và bà Lê Thị Lan H phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N, là có căn cứ pháp luật.

[3.3] Xét yêu cầu của Ngân hàng N về việc buộc ông Trần Hùng P và bà Lê Thị Lan H phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh từ ngày 23/8/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ dư nợ vay theo quy định tại hợp đồng, là phù hợp với quy định tại Hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật. Do đó, được chấp nhận.

[4] Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ông Trần Hùng P và bà Lê Thị Lan H có thế chấp tại Ngân hàng N – Chi nhánh L, tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Trần Hùng P, bà Lê Thị Lan H tại: Thửa đất số 359, tờ bản đồ số 7; địa chỉ thửa đất: Thôn T, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã K, tỉnh Thanh Hóa) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CX 434135, số vào sổ CH 06037. Tại Bản án số 28/2025/DS-ST ngày 20/3/2025 Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã tuyên Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 434135, số vào sổ CH 06037 do UBND huyện N cấp cho ông Trần Hùng P. Tuy nhiên, xét qúa trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N và ông Trần Hùng P, bà Lê Thị Lan H đều không có ý kiến gì về việc xử lý đối với 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số CX 434135, số vào sổ CH 06037 mà hiện tại Ngân hàng N – Chi nhánh L đang giữ. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn là ông Trần Hùng P và bà Lê Thị Lan H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí, nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 280, 351, 357, 463, 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 4 Luật Thương mại năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019);

Căn cứ vào khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào khoản 6 Điều 19, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N về phần yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 3513/16/53/2020 ký ngày 08/10/2020.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng N (A1).

Buộc ông Trần Hùng P và bà Lê Thị Lan H có nghĩa vụ phải trả nợ cho Ngân hàng N theo Hợp đồng tín dụng số 3513-LAV-202002566 ngày 13 tháng 10 năm 2020, tổng số tiền nợ tính đến ngày 22/8/2025 là 326.407.763 đồng, trong đó: Nợ gốc 190.150.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 114.213.395 đồng; Nợ lãi quá hạn 22.044.368 đồng.

Kể từ ngày 23/8/2025 ông Trần Hùng P và bà Lê Thị Lan H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Tổ chức tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Tổ chức tín dụng cho vay.

3. Về án phí: Buộc ông Trần Hùng P và bà Lê Thị Lan H phải nộp 16.320.300 đồng, tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.600.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0016397 ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Thanh Hóa).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 8 – Thanh Hoa;
- Phòng THADS khu vực 8 – Thanh Hóa;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - THANH HÓA

Số: 07/2025/QĐ-SCBSBA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 03 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN KINH DOANH THƯƠNG MẠI

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THANH HÓA

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung bản án do phát hiện lỗi về chính tả, về số liệu do nhầm lẫn trong bản án số: 06/2025/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thanh Hóa đã xét xử sơ thẩm vụ án dân sự về "tranh chấp hợp đồng tín dụng", giữa:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng N** (A).

Địa chỉ trụ sở: Số B L, phường G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Sỹ K – Phó giám đốc A1 chi nhánh L; Có mặt.

(Theo Quyết định Ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01/12/2022 và Quyết định về việc ủy quyền lại thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng số 689/QĐ-NHNo.LS ngày 16/10/2023).

- *Bị đơn:*

+ Ông **Trần Hùng P**, sinh năm 1992; Vắng mặt.

+ Bà **Lê Thị Lan H**, sinh năm 1999; Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T (xã X, huyện T cũ), tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Bản án số 06/2025/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Thanh Hóa, như sau:

- *Tại dòng thứ 35, 36, 37 từ trên xuống dưới trang 2 của bản án đã ghi:*

"với tổng số tiền như sau: Nợ gốc 190.150.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 114.213.395 đồng; Lãi quá hạn 22.044.368 đồng, tổng cộng: 326.407.763 đồng.".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

"với tổng số tiền như sau: Nợ gốc 190.150.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 89.987.929 đồng; Lãi quá hạn 22.044.368 đồng, tổng cộng: 302.182.297 đồng.".

- Tại dòng thứ 21, 22, 23 từ trên xuống dưới trang 3; Tại dòng thứ 14, 15, 16 từ trên xuống dưới trang 6; Tại dòng thứ 31, 32, 33 từ trên xuống dưới trang 7 của bản án đã ghi:

"tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/8/2025 là 326.407.763 đồng, trong đó: Nợ gốc 190.150.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 114.213.395 đồng; Nợ lãi quá hạn 22.044.368 đồng".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

"với tổng số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 22/8/2025 là 302.182.297 đồng, trong đó: Nợ gốc 190.150.000 đồng; Nợ lãi trong hạn 89.987.929 đồng; Nợ lãi quá hạn 22.044.368 đồng".

- Tại dòng thứ 3, 4 từ trên xuống dưới trang 8 của bản án đã ghi:

"3. Về án phí: Buộc ông Trần Hùng P và bà Lê Thị Lan H phải nộp 16.320.300 đồng, tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.".

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

"3. Về án phí: Buộc ông Trần Hùng P và bà Lê Thị Lan H phải nộp 15.109.100 đồng, tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.".

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 8 – Thanh Hoa;
- Phòng THADS khu vực 8 – Thanh Hóa;
- P. kiểm tra nghệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Minh Tiến